

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỀ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI
CTCP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



SCIC

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
VỐN NHÀ NƯỚC**

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703 Fax: (84-4) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



**CTCP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG
BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 91 Thích Quảng Đức, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại: (0650) 382 1983

Fax: (0650) 382 1983

TỔ CHỨC TƯ VẤN



DONGA
Securities

**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN
HÀNG ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3833 6333 Fax: (08) 3835 1919

Bình Dương, tháng 01 năm 2017

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương
- Địa chỉ : 91 Thích Quảng Đức, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Vốn điều lệ hiện tại : 59.400.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 5.940.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh nghĩa trang, hỏa táng, dịch vụ lưu trú, phân phối bia, nước giải khát các loại, cung cấp nước sạch

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần : Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty cổ phần Xây dựng và dịch vụ công cộng Bình Dương
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : 1.782.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ)
- Phương thức chào bán : Bán đấu giá công khai trọn lô
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

3. Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3833 6333

Fax: (08) 3835 1919

Website: www.dag.vn

4. Tổ chức bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 38 217 713

Fax: (08) 38 217 452

Website: www.hsx.vn



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro kinh tế	7
1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế	7
1.2. Rủi ro lạm phát	8
1.3. Rủi ro lãi suất	9
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro cạnh tranh	10
4. Rủi ro từ đợt chào bán	10
5. Rủi ro khác	10
III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	11
1. Tổ chức phát hành:	11
2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá	11
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	12
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	13
1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
1.1. Quá trình hình thành và phát triển	13
1.2. Giới thiệu về Công ty	13
1.3. Cơ cấu vốn cổ phần	14
1.5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên	15
1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán	16
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	16
4. Hoạt động kinh doanh của Công ty	21
4.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	21
4.2. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	21
4.3. Cơ cấu doanh thu	21
4.4. Cơ cấu chi phí	23
4.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng	25
4.6. Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu	25
4.7. Trình độ công nghệ	25
4.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ	25
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của BPS giai đoạn 2013 – 2015	25
5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm	25

5.2. Phân tích SWOT	26
6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	27
6.1. Triển vọng phát triển của ngành.....	27
6.2. Triển vọng của Công ty.....	27
7. Chính sách đối với người lao động.....	28
7.1. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2016.....	28
7.2. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi.....	28
7.3. Chính sách đào tạo và tuyển dụng.....	29
8. Chính sách cổ tức.....	29
9. Tình hình tài chính	30
9.1.1 Trích khấu hao TSCĐ	30
9.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	30
9.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định.....	30
9.1.4. Tình hình công nợ	31
9.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	32
10. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.....	33
10.1 Hội đồng quản trị	33
10.2 Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	34
10.3 Ban Kiểm soát	34
11. Tài sản.....	34
12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán	38
VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	39
1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá	39
2. Thông tin có liên quan đến việc bán cổ phần.....	40
3. Mục đích của việc chào bán.....	40
4. Địa điểm công bố thông tin.....	40
5. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan.....	40
5.1. Đối tượng tham gia đấu giá	40
5.2. Điều kiện tham gia đấu giá.....	41
6. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá	41
7. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá.....	42
7.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:	42
7.2. Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định.	42
8. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần.....	42
VII. THAY LỜI KẾT	43

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần	14
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập	15
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.....	15
Bảng 4: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	21
Bảng 5: Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm	21
Bảng 6: Cơ cấu Tổng doanh thu.....	22
Bảng 8. Lợi nhuận của Công ty qua các năm.....	23
Bảng 9: Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần	23
Bảng 12: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của BPS.....	25
Bảng 13: Cơ cấu lao động phân theo trình độ.....	28
Bảng 14: Thu nhập bình quân người lao động.....	28
Bảng 15: Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm	29
Bảng 16: Số dư các quỹ tại mỗi thời điểm	30
Bảng 17: Các khoản phải thu	31
Bảng 18: Các khoản phải trả	31
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	32
Bảng 20: Danh sách thành viên hội đồng quản trị	33
Bảng 21: Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	34
Bảng 21: Danh sách Ban kiểm soát.....	34
Bảng 23: Giá trị Tài sản cố định của Công ty theo BCTC tại ngày 30/06/2016	34
Bảng 24: Danh sách đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng	35

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý công ty	20
---	----

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006.
- Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11/04/2014 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 01/QĐ-ĐTKDV ngày 04/01/2017 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương;
- Công văn số 08/ĐTKDV-CNPN ngày 04/01/2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc đấu giá cổ phần của SCIC tại CTCP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương;
- Hợp đồng và phụ lục hợp đồng kinh tế số 72/2014/HĐ/TV/DAS ký ngày 30/06/2014 giữa Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh Khu vực phía Nam về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương;

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

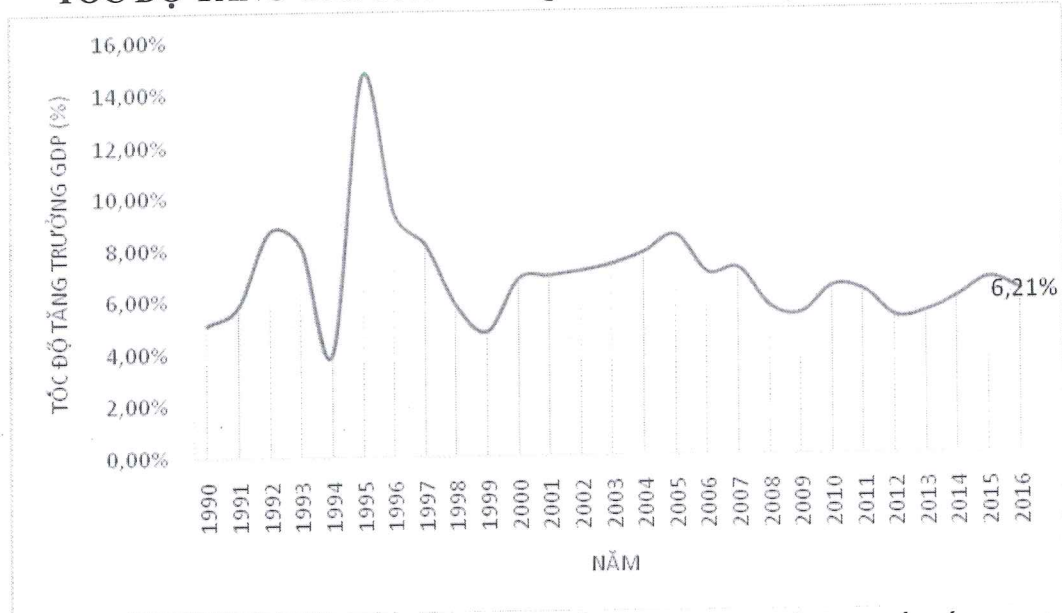
1. Rủi ro kinh tế

1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp trong nước.

Khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ đã tác động khá lớn đến sự phát triển của hầu hết các nước trên thế giới. Tính theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2007 của Việt Nam đạt 7,13% và giảm xuống mức 5,66% vào năm 2008. Qua năm 2013 và 2014, nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu phục hồi trở lại, tốc độ tăng trưởng GDP đạt tương ứng 5,42% và 5,98%. Năm 2015 nói riêng và giai đoạn 2011-2015 nói chung đánh dấu sự hồi phục mạnh mẽ trong sức khỏe của nền kinh tế và đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi chứng kiến hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được ký kết. Vẫn còn đó rủi ro từ sự đi xuống của Trung Quốc, động thái tăng lãi suất của Mỹ (gây lo ngại về sự dịch chuyển dòng vốn tại các thị trường mới nổi) hay những mâu thuẫn dài hạn cốt yếu thuộc về địa chính trị từ Nga - Mỹ - Trung Quốc - Trung Đông,... Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam lại được xem là điểm sáng khi thu được các tín hiệu vĩ mô hết sức tích cực. Con số đáng chú ý nhất đến từ tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015, đạt 6,68%, cao nhất từ năm 2008 (theo giá so sánh năm 2010). Kết thúc năm 2016, năm bản lề của kế hoạch kinh tế xã hội 2016 – 2020, tổng sản phẩm trong nước ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Những dấu hiệu trên có thể cho thấy một cái nhìn khả quan về tình hình kinh tế trong thời gian sắp tới. Tuy nhiên, những khó khăn trong sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết triệt để, những yếu kém nội tại của nền kinh tế vẫn chậm được khắc phục bên cạnh những biến động khó lường của nền kinh tế thế giới (Diễn biến hậu Brexit; Lưu chuyển dòng vốn ngoại trước khả năng bỏ ngỏ việc tăng lãi suất nhiều lần trong năm 2017; Các chính sách và hiệu ứng kinh tế hậu bầu cử Mỹ; Bất ổn khu vực,...) chắc chắn sẽ là những yếu tố tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương nói riêng trong thời gian tới.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM (GIÁ SO SÁNH 2010)

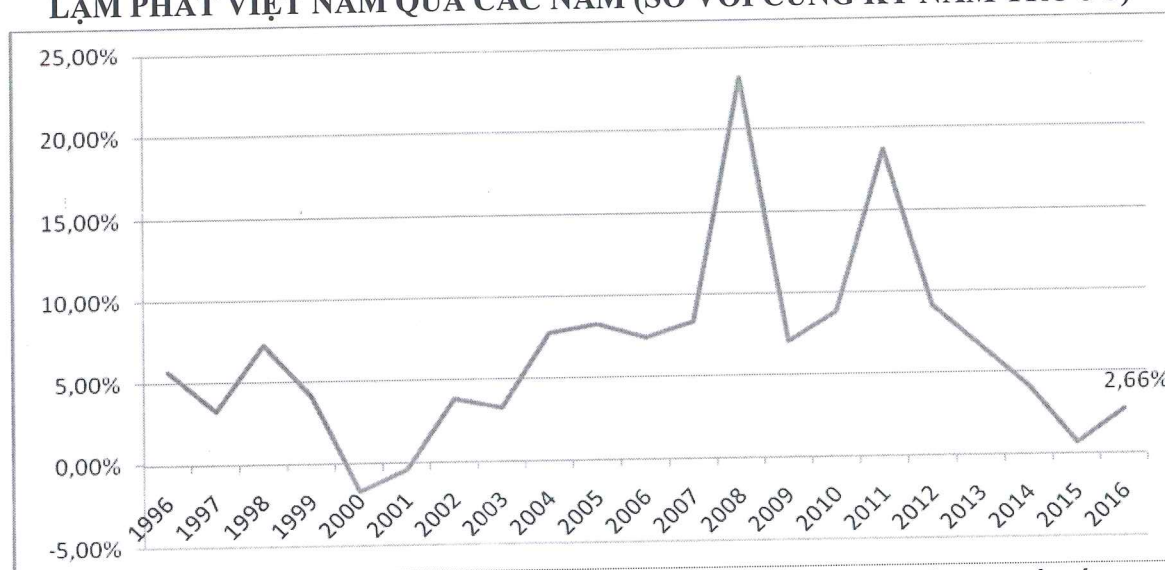


(Nguồn: Thống kê Tài chính quốc tế IFS của Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF)

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một vấn đề vĩ mô mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm khi hoạt động trong một nền kinh tế. Bất kể lạm phát do chi phí đẩy hay cầu kéo thì chúng cũng tác động đến sức mua của người tiêu dùng, chi phí của doanh nghiệp,... tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động của công ty. Năm 2015, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, chỉ ở mức 0,63%. Theo công bố mới đây của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2016 tăng 0,23% so với tháng trước và năm 2016 so với năm 2015 tăng 2,66%. Báo cáo thống kê cũng cho thấy, lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) tháng 12 có mức tăng 0,11% so với tháng 11 và tăng 1,87% so với cùng kỳ. Nếu tính cả năm, bình quân năm 2016, lạm phát cơ bản tăng 1,83% so với năm 2015. Như vậy, CPI (yoy, %) 2016 đã chính thức “quay đầu” đi lên sau nhiều năm giảm liên tiếp, điều này có thể làm tăng áp lực lên công tác kiểm soát giá cả và ổn định vĩ mô của nền kinh tế. Tuy nhiên, với mức tăng <3% của lạm phát toàn nền kinh tế, tăng <2% của lạm phát cơ bản, tức là vẫn giữ được giá cả trong vùng mục tiêu. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi để làm đòn bẩy thực thi các chính sách tiền tệ và tài khóa khác. Sức ép lên giá cả chắc chắn sẽ gia tăng trong năm 2017 và tạo ra sức nặng chung cho nền kinh tế nếu lạm phát lõi tăng quá 2%. Tuy nhiên với đặc thù trong hoạt động và dư địa tốt từ chính tiềm lực của công ty, DAS nhận định Công ty sẽ tiếp tục vượt qua các rào cản vĩ mô và tiếp tục tái hiện các kết quả ấn tượng như những năm trước đây.

LẠM PHÁT VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC)



(Nguồn: Thống kê Tài chính quốc tế IFS của Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF)

1.3. Rủi ro lãi suất

Năm công cụ để điều hành chính sách tiền tệ của quốc gia gồm: Tái cấp vốn, Lãi suất (lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản và các loại lãi suất khác), Tỷ giá hối đoái, Tỷ lệ dự trữ bắt buộc và Nghiệp vụ thị trường mở, trong đó Lãi suất được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất và hữu dụng hàng đầu của chính sách tiền tệ. Đứng về khía cạnh là Doanh nghiệp có những chi phí tài chính phát sinh từ việc phát hành trái phiếu với lãi suất thả nổi và phụ thuộc vào biến động lãi suất trên thị trường của một số ngân hàng thương mại, rõ ràng việc lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền từ hoạt động tài chính. Trong năm 2015, với điều thị trường diễn biến thuận lợi, lãi suất cho vay của các tổ chức ngân hàng được điều chỉnh theo xu hướng giảm để hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế. Theo thông tin từ Tổng cục thống kê, Lãi suất huy động hiện nay tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4%-7,2%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-7%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng đang tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Việc lãi suất được giữ ổn định sẽ là điều kiện thuận lợi giúp BPS chủ động trong công tác hoạch định tài chính, kiểm soát dòng tiền và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cơ sở của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro cạnh tranh

Nhìn chung Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ công cộng Bình Dương là đơn vị có chỗ đứng và có khả năng cạnh tranh nhất định so với các công ty trong cùng ngành. Tuy nhiên, với xu thế toàn cầu hóa và gia tăng số lượng các doanh nghiệp có cùng ngành nghề kinh doanh, trong thời gian tới cạnh tranh trong ngành sẽ ngày càng gia tăng nhiều hơn.

4. Rủi ro từ đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương.

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành:

Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Địa chỉ: 91 Thích Quảng Đức, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 382 1983 Fax: (0650) 382 1983

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại CTCP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 72/2014/HĐ/TV/DAS ký ngày 30/06/2014 giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- Ban tổ chức bán đấu giá: Đại diện Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương và đại diện tổ chức tư vấn được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công việc liên quan khác.
- Công ty : Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương
- CP : Cổ phần
- CNĐKKD : Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- DT : Doanh thu
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- LN : Lợi nhuận
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- SCIC : Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
- UBND : Ủy ban nhân dân
- TP. HCM : Thành phố Hồ Chí Minh
- Tổ chức Tư vấn: Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ năm 1985. Với chủ trương của Nhà nước, Công ty đã thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương được tổ chức vào ngày 06/04/2006. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 14/04/2006.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tổ chức phát hành : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**
- Tên tiếng Anh : **BINH DUONG CONSTRUCTION AND PUBLIC SERVICE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **BPS**
- Trụ sở chính : 91 Thích Quảng Đức, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Điện thoại : (0650) 382 1983
- Fax : (0650) 382 1983
- Vốn điều lệ : 59.400.000.000 đồng
- Ngành, nghề kinh doanh:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700149145 đăng ký lần đầu ngày 14/04/2006 do Sở KHĐT Tỉnh Bình Dương cấp và thay đổi lần thứ 10 ngày 03/08/2016, Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương kinh doanh các ngành nghề sau:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Dịch vụ karaoke;
- Cho thuê xe du lịch;
- Khai thác khoáng sản;
- Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp;

- Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp;
- Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải;
- Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng;
- Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh;
- Quản lý nghĩa trang Quảng Đông thị xã Thuận An và nghĩa trang Triều Châu thị xã Dĩ An;
- Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp;
- Cung cấp nước sạch ở thị xã Thuận An và Dĩ An;
- Dịch vụ mai táng và hỏa táng;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Kinh doanh bất động sản;
- May trang phục.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Hiện tại Công ty chưa là Công ty đại chúng, gồm 70 cổ đông. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương tại thời điểm 31/12/2016:

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1.	Trong nước:	5.940.000	59.400.000.000	100%
1.1	Vốn Nhà nước (SCIC)	1.782.000	17.820.000.000	30,00%
1.2	Trong Công ty	2.423.351	24.233.510.000	40,80%
1.3	Ngoài Công ty	1.734.649	17.346.490.000	29,20%
2.	Nước ngoài			
3.	Cổ phiếu quỹ			
	Tổng cộng	5.940.000	59.400.000.000	100%
1.	Cá nhân	4.142.312	41.423.120.000	69,74%
2.	Tổ chức	1.797.688	17.976.880.000	30,26%
3.	Cổ phiếu quỹ			
	Tổng cộng	5.940.000	59.400.000.000	100%

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

1.4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi thành công ty cổ phần và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/04/2006, do đó đến nay cổ phần của cổ đông sáng lập đã không còn bị hạn chế theo điều 119, Luật Doanh nghiệp 2015.

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 3700149145 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 03/08/2016, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2006, danh sách cổ đông sáng lập bao gồm:

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Cổ đông	Số cổ phần hiện nay	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	1.782.000	17.820.000.000	30,00%
2	Trần Danh	1.015.342	10.153.420.000	17,09%
3	Lê Hữu Nghĩa	639.216	6.392.160.000	10,76%
Tổng cộng		3.436.558	34.365.580.000	57,85%

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

1.5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên

Tính đến thời điểm 31/12/2016, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
1	Trần Danh	1.015.342	10.153.420.000	17,09%
2	Lê Hữu Nghĩa	639.216	6.392.160.000	10,76%
3	Trần Thị Hồng Đào	374.618	3.746.180.000	6,31%
4	Nguyễn Tấn Đạt	373.316	3.733.160.000	6,28%
5	Nguyễn Thành Liêm	333.036	3.330.360.000	5,61%
6	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	1.782.000	17.820.000.000	30,00%
Tổng cộng		4.517.528	45.175.280.000	76,05%

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán

Tên công ty	Số lượng (cổ phần)	Mệnh giá (đồng)	Số tiền (đồng)
Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên	6.499.800	10.000	64.998.000.000
Cty CP Đầu tư Phú Hưng Viên	1.999.600	10.000	19.996.000

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện tại, Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Khóa XIII, kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương là Điều lệ tổ chức và hoạt động.

- Trụ sở chính: 91 Thích Quảng Đức, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Điện thoại: (0650) 382 1983
- Fax: (0650) 382 1983

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của các Ban kiểm soát;
- Thông qua đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập các quỹ, đơn giá tiền lương và chi phí sản xuất;
- Quyết định phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới;
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu;
- Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty;
- Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi (nếu cần);

- Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên HĐQT Công ty là 5 thành viên. HĐQT của Công ty hiện gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Tấn Đạt	– Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Hữu Nghĩa	– Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Danh	– Thành viên HĐQT kiêm trưởng BKS nội bộ
Ông Trần Thiện Thế	– Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tài	– Thành viên HĐQT kiêm GD chi nhánh NTDA

HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn:

- Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý do HĐQT trực tiếp quản lý;
- Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;
- Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
- Quyết định mua lại dưới 10% cổ phần đã bán;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

BKS bao gồm ba (03) thành viên, trong đó ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán, do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát hiện hành bao gồm các thành viên:

Bà Võ Thị Thanh Thảo	– Trưởng BKS
Bà Trần Thị Thu Thảo	- Thành viên BKS
Bà Lâm Thị Phương Lam	- Thành viên BKS

BKS có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

3.4. Ban điều hành

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc bao gồm các thành viên:

Ông **Lê Hữu Nghĩa** - Tổng Giám đốc

Ông **Huỳnh Tấn Tài** - Phó Tổng giám đốc

3.5. Các phòng ban trong Công ty

❖ **Phòng Kế toán:**

- Có chức năng hạch toán kế toán các hoạt động kinh doanh của công ty.
- Giám sát hoạt động kinh doanh của công ty, thực hiện thu chi và giám sát tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Tổ chức việc hạch toán kế toán theo chế độ hiện hành, phân tích và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp. Thực hiện quyết toán hàng tháng, quý, năm và báo cáo lên cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và các cơ quan chức năng.

❖ **Ban Quản lý dự án:**

Có chức năng thiết kế, giám sát và tổ chức thi công các công trình, dự án của công ty.

❖ **Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp:**

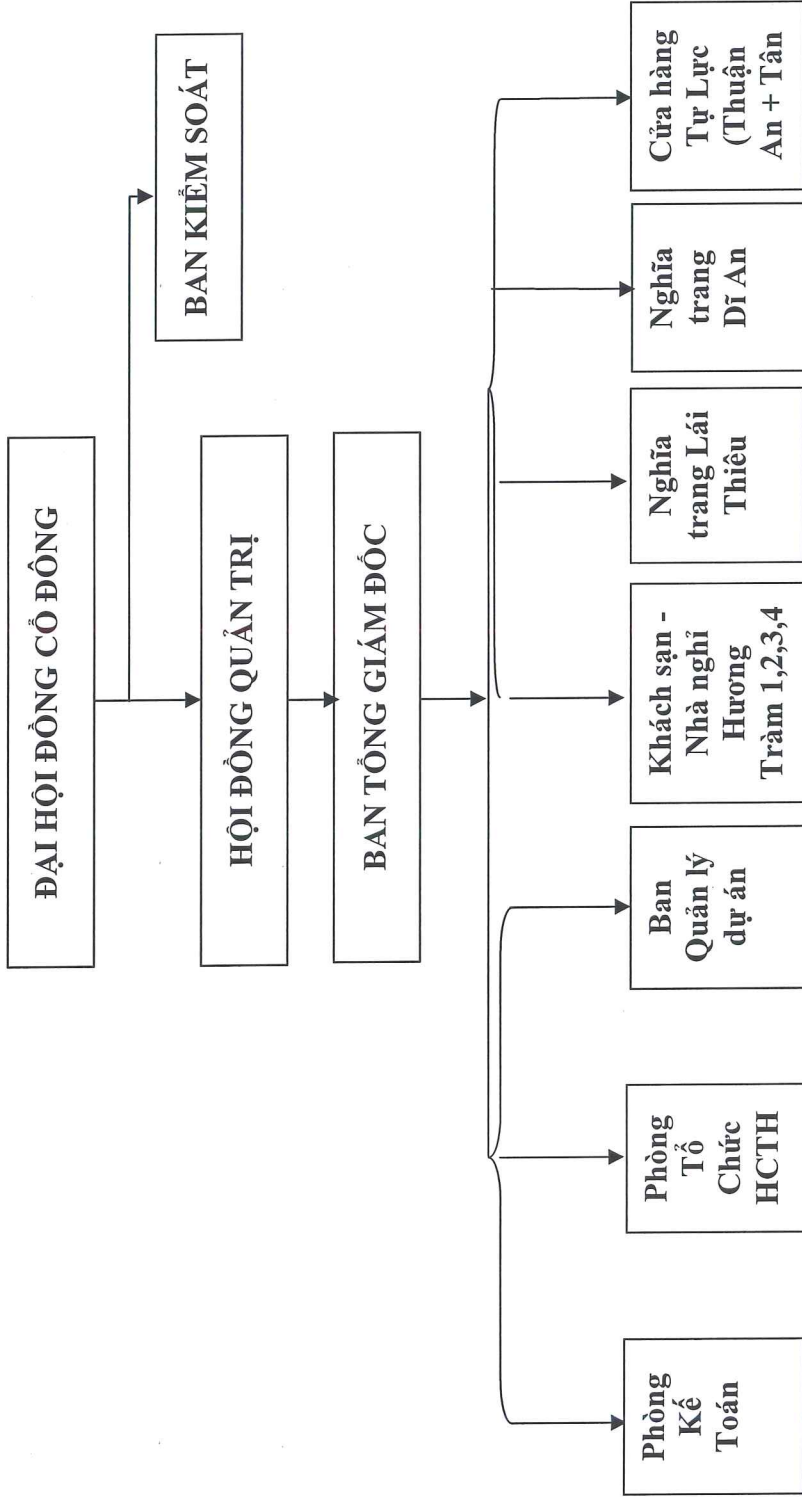
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, ..v..v...
- Kết hợp với bộ phận tài chính kế toán xây dựng quy chế trả lương, thưởng và các chế độ chính sách khác cho người lao động, đúng quy định của pháp luật lao động và đảm bảo phúc lợi để người lao động yên tâm công tác.

- Thực hiện công tác văn thư – lưu trữ, quản lý và sử dụng con dấu.
- Hoàn chỉnh các hồ sơ pháp lý đảm bảo cho hoạt động của công ty và các chi nhánh.

❖ *Đối với bộ phận Quản lý nhà phố:*

Hiện công tác quản lý nhà phố đã bàn giao về cho UBND thị xã Thuận An và UBND thị xã Dĩ An quản lý theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Dương. Tính đến 30/06/2015, Công ty không còn mảng hoạt động này nữa.

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý công ty



4. Hoạt động kinh doanh của Công ty

4.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, thương mại và dịch vụ. Các nhóm dịch vụ công ty đang cung cấp bao gồm:

- + Cấp nước;
- + Kinh doanh thương mại (phân phối bia, nước giải khát các loại);
- + Hoạt động nghĩa trang và mai táng;
- + Hoạt động hỏa táng;
- + Hoạt động khách sạn;
- + Các hoạt động khác.

4.2. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Để đảm bảo thực hiện kế hoạch SXKD, Công ty đã thực hiện ký kết với các khách hàng thông qua các hợp đồng cung cấp sản phẩm, cụ thể một số hợp đồng như sau:

Bảng 4: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Số hợp đồng	Sản phẩm	Trị giá (đồng)	Đối tác
01	BD10	Bia chai, bia lon Heineken, Tiger,...	Trên 50 tỷ đồng/năm	Nhà máy bia Việt Nam
02	01	Các sản phẩm của Bia Sài Gòn	Trên 50 tỷ đồng/năm	Công ty Đồng Hiệp Lợi

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

4.3. Cơ cấu doanh thu

a. Doanh thu

Bảng 5: Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016	9 tháng năm 2016
Doanh thu thuần	204.649.531.331	253.710.692.470	340.510.964.464	225.666.742.456	351.008.093.541

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Công ty và BCTC riêng lẻ 9 tháng năm 2016 của Công ty

Trong đó lưu ý, do BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2016 là không hiện hữu, vì vậy Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm 2016 được DAS căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương. Mặc dù vậy, Doanh

thu cơ sở 9 tháng đầu năm của Công ty vẫn tăng hết sức ấn tượng, đạt 351.008.093.541 đồng, tăng 53% so với cùng kỳ năm trước và tăng trên 10 tỷ so với cả năm 2015..

✚ Cơ cấu doanh thu:

Bảng 6: Cơ cấu Tổng doanh thu

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng năm 2016		9 tháng năm 2016	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần	253.710.692	99,03%	340.510.964	99,46%	225.666.742	99,64%	351.008.094	99,50%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.332.741	0,52%	217.692	0,06%	260.968	0,11%	1.030.596	0,29%
3	Doanh thu khác	1.150.550	0,45%	1.622.754	0,48%	557.828	0,25%	734.110	0,21%
Tổng cộng:		256.193.983	100%	342.351.410	100%	226.485.538	100%	352.772.800	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Công ty và BCTC riêng lẻ 9 tháng năm 2016 của Công ty

Lưu ý: do BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2016 là không hiện hữu, vì vậy số liệu tài chính 9 tháng đầu năm 2016 được DAS căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Nhìn chung, doanh thu của BPS từ năm 2013 trở lại đây vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định. Trong cơ cấu Tổng doanh thu của BPS, doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm một tỷ lệ chi phối với tỷ trọng trên 99%. Hoạt động đầu tư tài chính đem lại những khoản thu nhập không đáng kể cho BPS với tỷ trọng dao động từ 0 – 1%. Ngoài ra, Công ty cũng có thêm các nguồn thu từ hoạt động khác, tuy nhiên tỷ trọng mảng doanh thu này không đáng kể trong thời gian qua.

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu của từng nhóm sản phẩm

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nhóm dịch vụ	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Nước	523.454	437.777	389.417
2	Kinh doanh thương mại	166.724.378	210.601.114	290.876.500
3	Hoạt động nghĩa trang và mai táng	19.948.471	19.745.597	18.851.349

4	Hoạt động hỏa táng	10.420.562	11.128.450	11.791.500
5	Hoạt động khách sạn	5.218.502	4.553.662	4.813.398
6	Khác	2.960.135	7.334.769	11.313.190
Tổng cộng:		205.795.502	253.801.369	338.035.356

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Có thể thấy, hoạt động Kinh doanh thương mại đóng góp phần lớn trong cơ cấu doanh thu theo từng nhóm sản phẩm của BPS trong các năm qua. Các hoạt động Kinh doanh thương mại của BPS bao gồm phân phối bia, nước giải khát các loại... Trong các năm qua, tỷ trọng đóng góp của từng nhóm sản phẩm trong cơ cấu doanh thu của Công ty khá ổn định và chưa có sự phân hóa, đột biến lớn.

b. Lợi nhuận của Công ty qua các năm

Bảng 8. Lợi nhuận của Công ty qua các năm

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016	9 tháng năm 2016
Doanh thu thuần	204.649.531.331	253.710.692.470	340.510.964.464	225.666.742.456	351.008.093.541
LN sau thuế	11.931.803.356	12.704.583.015	17.957.372.594	9.521.083.905	12.433.650.516
% LNST/DTT	5,83%	5,01%	5,27%	4,22%	3,54%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Công ty và BCTC riêng lẻ 9 tháng năm 2016 của Công ty

Lưu ý: do BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2016 là không hiện hữu, vì vậy số liệu tài chính 9 tháng đầu năm 2016 được DAS căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Doanh thu thuần của BPS vẫn tiếp tục xu hướng tăng trưởng trong những năm vừa qua. Cụ thể doanh thu thuần của BPS năm 2015, 2014 tăng tương ứng 34,21% và 23,97% so với năm liền kề. Lợi nhuận sau thuế duy trì mức tăng ấn tượng khi năm 2015 ghi nhận mức tăng 41,35% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế từ Công ty mẹ (căn cứ trên BCTC riêng lẻ quý 3/2016) đạt 12,4 tỷ, tăng 24% so với giá trị đạt được là 10 tỷ cùng kỳ năm 2015.

4.4. Cơ cấu chi phí

Bảng 9: Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần

ĐVT: 1000 đồng

TT	Yếu tố chi	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016	9 tháng năm 2016
----	------------	----------	----------	------------------	------------------

	phí	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	228.573.148	90,09%	305.688.812	89,77%	206.835.438	91,66%	328.055.044	93,46%
2	Chi phí bán hàng	2.875.025	1,13%	3.361.462	0,99%	1.993.043	0,88%	2.886.896	0,82%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.347.528	2,50%	8.063.635	2,37%	4.685.963	2,08%	5.222.764	1,49%
4	Chi phí tài chính	2.557.776	1,01%	2.003.689	0,59%	991.500	0,44%	1.441.500	0,41%
5	Chi phí khác	0	0,00%	552.947	0,16%	290.808	0,13%	0	0,00%
	Tổng chi phí	240.353.477	94,74%	319.670.545	93,88%	214.796.752	95,18%	337.606.204	96,18%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Công ty và BCTC riêng lẻ 9 tháng năm 2016 của Công ty

Lưu ý: do BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2016 là không hiện hữu, vì vậy số liệu tài chính 9 tháng đầu năm 2016 được DAS căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh nghĩa trang, hỏa táng, dịch vụ lưu trú, phân phối bia, nước giải khát các loại, cung cấp nước sạch... nên chi phí giá vốn hàng bán của Công ty chính là phần tương ứng cho những lĩnh vực hoạt động này. Trong cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất và dao động trong khoảng 90% /Doanh thu thuần, tiếp đến là Chi phí quản lý doanh nghiệp với tỷ trọng từ 2% - 2,5%.

Trong năm 2013, Công ty phát hành trái phiếu kỳ hạn 5 năm với tổng giá trị 20 tỷ đồng, do đó trong các năm sau Công ty sẽ chi trả các khoản chi phí lãi vay liên quan đến việc phát hành trái phiếu này. Hiện nay Công ty đã đáo hạn trái phiếu này vào ngày 01/07/2016 và phát hành một loại trái phiếu khác cho năm 2016 bắt đầu từ ngày 01/07/2016 (lãi suất thả nổi, kỳ hạn 5 năm, 6 tháng trả lãi 1 lần theo lãi suất tiền gửi bình quân của ngân hàng: BIDV, VCB, Vietinbank cộng thêm 3,2%; khi đến đáo hạn sẽ thanh toán toàn bộ phần gốc).

⚡ Nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực, tuy nhiên chủ yếu là cung cấp dịch vụ, cho nên nhu cầu nguyên vật liệu không nhiều, chủ yếu là nhu cầu về điện, nước, xăng, dầu,...

4.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng

Hiện tại, Công ty chưa tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế hay bản quyền nào để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.

4.6. Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu

Hoạt động chính trong lĩnh vực nghĩa trang, thương mại và dịch vụ lưu trú, Công ty luôn luôn chú trọng quảng bá sản phẩm, dịch vụ của mình thông qua các hình thức đặc thù, phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để từ đó củng cố lượng khách hàng hiện tại và thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng.

Ngoài ra, Công ty cũng có các chính sách chi hoa hồng hợp lý cho những khách hàng giới thiệu bán sản phẩm, dịch vụ thành công để góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận.

4.7. Trình độ công nghệ

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh nghĩa trang (xây dựng mộ) và thương mại (phân phối bia nước giải khát), dịch vụ (lưu trú), do đó Công ty chỉ đầu tư, trang bị các máy móc, thiết bị phù hợp với việc kinh doanh. Tuy nhiên, đối với hoạt động hỏa táng hiện tại Công ty đang sử dụng công nghệ hỏa táng tiên tiến nhất của Mỹ và Thụy Điển, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Hiện tại, Công ty thường xuyên cử các đoàn thanh, kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ tại tất cả các chi nhánh hoạt động kinh doanh trực tiếp; luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm được duy trì và cải thiện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của BPS giai đoạn 2013 – 2015

5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 12: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của BPS

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016
1	Tổng tài sản	127.620.228.941	138.372.612.363	140.565.552.952
2	Vốn chủ sở hữu	87.095.862.111	103.755.214.739	105.936.211.992
3	Vốn điều lệ	54.000.000.000	54.000.000.000	54.000.000.000
4	Doanh thu thuần	253.710.692.470	340.510.964.464	225.666.742.456

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016
5	LNTT	15.840.505.751	22.680.865.696	11.688.786.840
6	LNST	12.704.583.015	17.957.372.594	9.521.083.905
7	Nợ/Tổng tài sản (%)	31,75%	25,02%	24,64%
8	Tỷ suất Lợi nhuận gộp/ DTT (%)	9,91%	10,23%	8,34%
9	Tỷ suất Lợi nhuận ròng/ DTT (%)	5,01%	5,27%	4,22%
10	ROA (%)	10,52%	13,50%	6,83%
11	ROE (%)	15,72%	18,82%	9,08%
12	BV (đồng)	16.129	19.214	19.618
13	EPS (đồng)	2.353	3.325	1.763

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Cty

5.2. Phân tích SWOT

a) Điểm mạnh

- Ban lãnh đạo là những người có kinh nghiệm lâu năm, đồng thời cũng có những thành viên trẻ năng động dám nghĩ dám làm trong việc mở rộng mô hình kinh doanh nghĩa trang, hòa táng ra các tỉnh thành lân cận;
- Lực lượng công nhân sản xuất dồi dào, có tâm huyết gắn bó lâu dài với Công ty;
- Có uy tín cao với khách hàng và đối tác thông qua chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngày càng được cải thiện.

b) Điểm yếu

- Công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước nên ít nhiều vẫn còn ảnh hưởng từ cơ chế quản lý điều hành và tập quán kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước;
- Hiện tại Công ty chỉ sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực truyền thống, khi các ngành nghề này bão hòa hoặc mất lợi thế cạnh tranh, Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc chuyển đổi sang các ngành nghề kinh doanh mới.

c) Cơ hội

- Địa bàn sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là ở tỉnh Bình Dương – một trong những tỉnh thành đang trên đà phát triển mạnh mẽ về Kinh tế - Chính trị - Xã hội của đất nước. Các công tác dịch vụ công cộng trên địa bàn tỉnh do đó cũng được đầu tư chú trọng;
- Đội ngũ ban lãnh đạo làm việc lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án kinh doanh hiện tại cũng như có những sự sáng tạo, quyết đoán trong việc đầu tư mở rộng ngành nghề kinh doanh;
- Công ty đã tạo được các mối quan hệ tốt với các đối tác làm việc lâu năm, từ đó có nhiều cơ hội mở rộng thêm các khách hàng tiềm năng;

d) Thách thức

- Thời gian gần đây Công ty gặp nhiều khó khăn, một phần do ảnh hưởng bởi tình hình suy giảm kinh tế nói chung, một phần do lĩnh vực chính của Công ty là kinh doanh nghĩa trang đã hết quỹ đất kinh doanh;
- Hệ thống khách sạn hoạt động không hiệu quả, công suất khai thác phòng thấp;
- Kinh doanh thương mại gặp nhiều đối thủ cạnh tranh;
- Vốn đầu tư vào kinh doanh nghĩa trang tại dự án Hoa Viên Long Xuyên là đầu tư dài hạn, trước mắt chưa đem lại nguồn thu cho Công ty.

6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

6.1. Triển vọng phát triển của ngành

Hiện tại hoạt động nghĩa trang được coi là ngành chính của công ty. Tuy nhiên các nghĩa trang do công ty đang quản lý đã gần hết quỹ đất kinh doanh. Do xác định đây là ngành truyền thống và có thể mạnh; đồng thời đây là lĩnh vực phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của xã hội nên Công ty đã phát triển lĩnh vực này tại các tỉnh thành khác. Triển vọng phát triển của nhóm ngành chính này tiếp tục ổn định và duy trì tăng trưởng.

6.2. Triển vọng của Công ty

Với bề dày thành lập và phát triển trong lĩnh vực quản lý và khai thác nghĩa trang, kinh doanh hỏa táng, phân phối bia, nước giải khát,...ở tỉnh Bình Dương, Công ty đã có được niềm tin của khách hàng và khẳng định được vị trí của mình trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã cơ cấu tại tổ chức bộ máy, thay đổi công nghệ và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty có những thành tích khá tốt trong thời gian qua và so với các công ty cùng ngành.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2016.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty là 121 người:

Bảng 13: Cơ cấu lao động phân theo trình độ

STT	Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	16	12,40
2	Lao động có trình độ cao đẳng	4	3,31
3	Lao động có trình độ trung cấp, sơ cấp	9	7,44
4	Lao động có trình độ khác	92	76,85
Tổng cộng		120	100

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

7.2. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

❖ Khen thưởng – phúc lợi:

Khen thưởng: căn cứ vào tiêu chuẩn bình xét thi đua của công ty và quỹ khen thưởng hàng năm trích được, cuối năm Công ty sẽ xét khen thưởng cho người lao động thông qua bình xét cuối năm được tập thể bầu chọn.

Ngoài ra, Giám đốc Công ty có thể thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty, trong các trường hợp sau:

- Người lao động có nhiều đóng góp vào kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị;
- Cải tiến công cụ lao động có năng suất, đạt chất lượng tốt;
- Hoàn thành tốt từng đợt thi đua hoặc từng đợt sản xuất;
- Phát hiện các vụ ăn cắp, phá hoại của kẻ xấu;
- Tùy theo hiệu quả mang lại mà Giám đốc Công ty xét chi thưởng phù hợp.

Thu nhập bình quân tháng của người lao động từ năm 2013, 2014 và năm 2015:

Bảng 14: Thu nhập bình quân người lao động

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Mức lương bình quân (Triệu đồng/tháng/người)	5.283.635	7.809.974	8.100.093
Số lượng lao động bình quân (Người)	128	122	110

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

7.3. Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng: Khi Công ty có nhu cầu đào tạo, người được đào tạo sẽ được trả lương trong thời gian đi học, khi học có kết quả sẽ được thanh toán 100% chi phí.

Thời gian làm việc: Đối với cán bộ quản lý, nhân viên nghiệp vụ, kỹ thuật và phục vụ:

- Thời gian làm việc là 8 giờ/ngày, số ngày làm việc trong tuần là 05 ngày;
- Sáng làm việc từ 7h30 đến 12h
- Chiều làm việc từ 13h30 đến 17h.

Điều kiện làm việc: Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc cho người lao động. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn và bảo hộ lao động...

7.4. Các hoạt động đoàn thể xã hội:

Công ty có chi bộ, Công đoàn cơ sở và tổ chức Đoàn thanh niên. Các tổ chức này đều hoạt động theo điều lệ của tổ chức quy định.

8. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. HĐQT thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT và sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

Bảng 15: Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm

Năm	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	Tỷ lệ chia cổ tức (%)
2011	14.274.765.068	12,0%
2012	13.916.873.814	20,0%
2013	11.931.803.356	20,0%
2014	12.704.583.015	10,0%
2015	17.957.372.594	15,0%

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

9. Tình hình tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

9.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá: bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao: khấu hao được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao áp dụng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành vào ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng được ước tính như sau:

<u>Các nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 25
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

9.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ.

9.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp các khoản thuế: thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo luật định.

Sau mỗi niên khóa tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm”. Tình hình trích lập các quỹ cụ thể như sau:

Bảng 16: Số dư các quỹ tại mỗi thời điểm

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1	Quỹ Dự phòng tài chính	4.516.360.780	0	0
2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	62.136.572	43.036.572	826.249.403
3	Quỹ Đầu tư Phát triển	9.063.312.320	15.530.774.560	17.326.511.819
4	Quỹ khác thuộc vốn	0	0	0

	chủ sở hữu			
Tổng cộng		13.641.809.672	15.573.811.132	18.152.761.222

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Cty

9.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 17: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I. Phải thu ngắn hạn	6.065.297.827	18.122.274.630	15.295.894.393
1. Phải thu khách hàng	3.709.991.702	7.524.945.868	5.776.914.739
2. Trả trước cho người bán	2.347.856.707	8.597.669.615	5.514.455.672
3. Các khoản phải thu khác	60.347.518	2.052.557.247	4.057.422.082
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-52.898.100	-52.898.100	-52.898.100
II. Phải thu dài hạn	0	2.314.386.000	2.795.596.000
Tổng cộng	6.065.297.827	20.436.660.630	18.091.490.393

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và BCTC hợp nhất Quý 2/2016 của Công ty

Nợ phải thu của Công ty có xu hướng tăng trong thời gian gần đây, năm 2013 từ 5.318.756.837 đồng lên 20.436.660.630 đồng thời điểm 31/12/2015. 6 tháng đầu năm 2016, nợ phải thu ở mức 18,091 tỷ. Trong cơ cấu Nợ phải thu, khoản mục chiếm tỷ trọng lớn là các khoản phải thu ngắn hạn.

Bảng 18: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I. Nợ ngắn hạn	16.220.506.113	7.391.212.246	5.733.536.360
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2. Phải trả người bán	2.079.709.811	413.153.520	253.820.152
3. Người mua trả tiền trước	457.280.500	821.352.000	7.759.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.236.252.690	1.348.772.403	1.905.045.776

5. Phải trả người lao động	1.442.055.177	2.551.650.673	928.777.951
6. Chi phí phải trả	667.375.000	450.000.000	481.500.000
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	41.607.274	41.680.002
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.275.696.363	1.709.639.804	1.276.704.076
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	12.000.000	12.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	62.136.572	43.036.572	826.249.403
II. Nợ dài hạn	24.303.860.717	27.226.185.378	28.895.804.600
1. Vay dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	176.243.400	223.243.400	224.243.400
3. Doanh thu chưa thực hiện	4.127.617.317	7.002.941.978	8.671.561.200
Tổng	40.524.366.830	34.617.397.624	34.629.340.960

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2016 của Công ty

Thời gian qua, Công ty duy trì việc không sử dụng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Riêng đối với Nợ vay dài hạn, năm 2013 Công ty tiến hành phát hành trái phiếu kỳ hạn 5 năm trị giá 20.000.000.000 đồng để thực hiện các kế hoạch kinh doanh. Trong cơ cấu Nợ ngắn hạn, khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng lớn nhất (xấp xỉ 64% vào năm 2013 và năm 2014). Khoản Phải trả người lao động chiếm tỷ trọng lớn thứ hai (khoảng 13,72% năm 2013 và khoảng 8,89% năm 2014).

9.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,83	12,03	15,80
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,00	4,35	5,78
Hệ số thanh toán bằng tiền	Lần	0,63	1,90	3,11
Chỉ tiêu đòn bẩy tài chính				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,32	0,25	0,25
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,47	0,33	0,33
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,10	2,56	1,62

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng năm 2016
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	44,57	28,16	13,51
Vòng quay TSCĐ	Vòng	10,84	15,22	10,16
Vòng quay các khoản phải trả	Vòng	6,34	9,06	6,52
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,61	5,44	3,75
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/DTT	%	5,01%	5,27%	4,22%
Hệ số LN gộp/DTT	%	9,91%	10,23%	8,34%
Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	5,79%	6,35%	5,06%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,72%	18,82%	9,08%
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	10,52%	13,50%	6,83%
Thu nhập trên mỗi cổ phần	Đồng/CP	2.353	3.325	1.603
Giá trị sổ sách của cổ phần	Đồng/CP	16.129	19.214	19.618

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Nhìn chung, khả năng thanh toán của Công ty trong những năm gần đây luôn được giữ ổn định với mức độ an toàn. Hệ số thanh toán ngắn hạn xấp xỉ 3,37 năm 2013, tăng lên khoảng 4,83 năm 2014 và 12,03 năm 2015. 6 tháng đầu năm 2015, hệ số thanh toán ngắn hạn nằm ở 15,8. Hệ số thanh toán nhanh cũng có biến động nhưng vẫn giữ ở mức khá an toàn. Hệ số thanh toán nhanh của công ty lớn hơn 1 cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn khá tốt.

Về cơ cấu vốn, trong năm 2013 do Công ty phát hành trái phiếu kỳ hạn 5 năm với giá trị 20 tỷ đồng nên tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu bình quân tăng cao (53%), đến năm 2014 và 2015 tỷ lệ này giảm tương ứng còn 47% và 33%.

Nhìn chung, tỷ suất sinh lợi của Công ty trong giai đoạn 2013 – 2015, 6 tháng đầu năm 2016 vẫn ở mức cao và cao hơn so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp trong ngành.

10. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

10.1 Hội đồng quản trị

Bảng 20: Danh sách thành viên hội đồng quản trị

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (cổ phần)/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	373.316	6,28
2	Lê Hữu Nghĩa	TV HĐQT kiêm TGD	639.216	10,76

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (cổ phần)/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ (%)
3	Trần Danh	Thành viên HĐQT	1.015.342	17,09
4	Trần Thiện Thê	Thành viên HĐQT	15.688	0,26
5	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT		

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

10.2 Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 21: Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Lê Hữu Nghĩa	TGD	639.216	10,76
2	Huỳnh Tấn Tài	Phó TGD	123.112	2,07
3	Đông Thị Ngân Thương	Kế toán trưởng	33.977	0,57

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

10.3 Ban Kiểm soát

Bảng 21: Danh sách Ban kiểm soát

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Cổ phiếu nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Thu Thảo	Thành viên BKS	4.824	0,08
2	Lâm Thị Phương Lam	Thành viên BKS	2.200	0,04
3	Võ Thị Thanh Thảo	Trưởng BKS	1.338	0,02

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

11. Tài sản

11.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 23: Giá trị Tài sản cố định của Công ty theo BCTC tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, Vật kiến trúc	17.017.547.655	8.126.479.813	8.891.067.842
Máy móc Thiết bị	4.346.591.562	4.160.293.029	186.298.533
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.637.884.876	4.334.256.258	2.303.628.618
Thiết bị, dụng cụ quản lý			0
Tài sản cố định khác			0
Tài sản cố định vô hình	10.078.231.700	2.773.394.374	7.304.837.326
Tổng Cộng	38.080.255.793	19.394.423.474	18.685.832.319

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

11.2. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

Bảng 24: Danh sách đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng

Stt	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng đất
1	87 A ĐT 745, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	1.858,20	GCN QSDĐ T00446/CN-2008 ngày 29/5/2008 UBND tỉnh Bình Dương	07/09/2039	Thuê trả tiền hàng năm
2	Ô 4,5 khu đô thị Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	200	GCN QSDĐ T00345/CN-2008 ngày 17/4/2008 UBND Tỉnh Bình Dương	17/04/2058	Thuê trả tiền hàng năm
3	Khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	2.529,7	GCN QSDĐ T00188/CN-2008 ngày 25/02/2008 UBND tỉnh Bình Dương	Năm 2057	Thuê trả tiền hàng năm
4	Đường số 10, KP Bình Minh, phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	75.2	GCN QSDĐ T001647/CN/2006 ngày 21/9/2006 UBND tỉnh Bình Dương	21/09/2055	Thuê trả tiền hàng năm

Stt	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng đất
5	ĐT 745, phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	1.224,1	GCN QSDĐ T00402/CN-2008 ngày 20/5/2008 UBND tỉnh Bình Dương	18/01/2039	Thuê trả tiền hàng năm
6	63 A ĐT 745 phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	154.3	GCN QSDĐ T00332/CN-2008 ngày 17/4/2008 UBND tỉnh Bình Dương	17/04/2057	Thuê trả tiền hàng năm
7	Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Bình Dương	217.943	GCN số 11/GCN-SB ngày 18/01/1990		Giao quản lý
8	Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Bình Dương	270.944	GCN số 12/GCN-SB ngày 18/01/1991		Giao quản lý
9	Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương	318.628,4	QĐ giao đất số 2006/QĐ-UBND ngày 11/09/2009 của UBND Tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Giao quản lý
10	Ô 6,7 Khu đô thị Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	200	GCN SDD số CT00442 ngày 09/11/2011 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Tháng 03/2061	Giao đất
11	Ô 62 Khu đô thị Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	93	GCN SDD số CT00442 ngày 09/11/2011 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Tháng 03/2061	Giao đất
12	133/1A Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương	3.685,1	GCN SDD số T00118/CN-2008 ngày 24/3/2009 UBND Tỉnh Bình Dương	Đến ngày 25/12/2027	Giao đất
13	Áp 2, Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	1.068	GCN SDD số CT 03646 ngày 18/01/2013 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Đến 21/11/2062	Giao đất

Stt	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng đất
14	Ô 19 Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	300	GCN SDD số H003610 ngày 20/01/2009 UBND Thị xã Bến Cát	Lâu dài	Giao đất
15	Lô VH - Ô 07, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	300	GCN SDD số CH00650 ngày 20/01/2012 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Giao đất
16	Lô VH - Ô 08, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	300	GCN SDD số CH00641 ngày 23/02/2012 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Giao đất
17	Lô VH - ô09, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	300	GCN SDD số CH00864 ngày 23/02/2012 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Giao đất
18	Ô 16 Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	300	GCN SDD số H003029 ngày 20/01/2009 UBND Thị xã Bến Cát	Lâu dài	Giao đất
19	LÔ VH - ô 67, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	401,6	GCN SDD CH00818 ngày 18/01/2012 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Giao đất
20	Ô 14 +15 + 16 lô E5 khu đô thị Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	300	GCN SDD số CT00303 ngày 26/07/2011 Sở TN và MT Tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Giao đất
21	Khu phố Thạnh Bình, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Bình Dương	3.658,3	GCN SDD số H02838/TTAT ngày 17/06/2008 UBND Thị xã Thuận An	Tháng 12/2023	Sở hữu Công ty
22	Khu phố Thạnh Bình, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Bình Dương	2.082	GCN SDD H03986/TTAT ngày 04/12/2009 UBND Thị xã Thuận An	Ngày 30/05/2020	Sở hữu Công ty

Stt	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng đất
23	91 Thích Quảng Đức, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	300	GCN QSĐĐ 489/GCN/2000 ngày 04/10/2000 UBND tỉnh Bình Dương	Lâu dài	Sở hữu Công ty
24	91 Thích Quảng Đức, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	523,3	Chưa cấp sổ, chuyển nhượng giấy tờ tay		Sở hữu Công ty

Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán

Không có.

VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá

- Cổ phần chào bán : CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Số lượng cổ phần chào bán : **1.782.000 cổ phần** (chiếm 30% vốn điều lệ)
 - Theo phương thức đấu giá công khai : 1.782.000 cổ phần
 - Bán cho người lao động : 0 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 19.100 đồng/cổ phần
- Bước giá : Theo quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
- Bước khối lượng : Theo quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối thiểu : Theo quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối đa : Tổng số lượng cổ phần chào bán
- Phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá : Tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) và các địa điểm khác theo quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
- Nộp tiền cọc : Tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) và các địa điểm khác theo quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM

- Nộp Phiếu tham dự đấu giá : - Theo quy định tại quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
- Tổ chức đấu giá : - Thời gian: Theo quy định tại quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
: - Địa điểm: Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM
- Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM
- Nộp tiền mua cổ phần : - Theo quy định tại quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
- Thời gian hoàn tiền đặt cọc : Theo quy định tại quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM

2. Thông tin có liên quan đến việc bán cổ phần

Không có

3. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

4. Địa điểm công bố thông tin

Thông tin cụ thể liên quan đến Tổ chức phát hành gồm Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá và đợt đấu giá được công bố tại:

⚡ Công ty TNHH một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

- Địa điểm: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3833 6333 Fax: (08) 3835 1919
- Tại website: www.dag.vn

⚡ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

- Tại website: www.scic.vn

⚡ CTCP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

5. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

5.1. Đối tượng tham gia đấu giá

Là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:

- ❖ **Nhà đầu tư trong nước:** là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- ❖ **Nhà đầu tư nước ngoài:** ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- ❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư:** Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.
- ❖ Mỗi nhà đầu tư được phát một phiếu đấu giá và chỉ được ghi 01 mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá.

5.2. Điều kiện tham gia đấu giá

- ❖ Có Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đúng thời hạn quy định.
- ❖ Đặt cọc đủ giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban tổ chức đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá.
- ❖ Tuân thủ các quy định của Quy chế đấu giá

6. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

- ❖ **Đối với cá nhân trong nước:**
 - Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với tổ chức trong nước:**
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
 - Giấy ủy quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**

- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.
- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

7. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

7.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng mức đăng ký.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

7.2. Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định.

8. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.dag.com.vn và www.scic.vn để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai ... phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

Bình Dương, ngày 12 tháng 01 năm 2017

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ
CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TẤN ĐẠT

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM